

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 20-3-2019
“Tranh chấp về ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhập

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Đào

Bà Lương Thị Hồng Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 20/3/2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 33/2019/TLST-HNGĐ, ngày 15/02/2019 về việc “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Danh H – Sinh năm 1975 (có mặt);

Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Chị Thị B – Sinh năm 1976 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp P, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 25/01/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Danh H trình bày:

Vào năm 1998, anh kết hôn cùng với chị Thị B. Hôn nhân tự nguyện, không có tổ chức đám cưới và vợ chồng cũng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2007 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do trong cuộc sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, có nhiều bất đồng trong cách sống, sinh hoạt, vợ chồng thường xuyên cãi vã, không có hạnh phúc nên vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay. Nay, xét thấy vợ chồng không thể hàn gắn với nhau được nên anh làm đơn khởi kiện xin ly hôn.

Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên: Danh Hoàng S – sinh ngày 01/01/1999, hiện đang sống chung với anh H.

Tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, cũng không có thiếu nợ ai.

Tại phiên tòa, anh Danh H xin được ly hôn với chị Thị B; Về con chung, do con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu.

Tại bản tự khai và Biên bản hòa giải ngày 07/3/2019, bị đơn chị Thị B thống nhất lời trình bày của anh H về quan hệ hôn nhân, về con chung, về tài sản chung, nợ chung và mâu thuẫn vợ chồng nên không trình bày gì thêm.

Nguyên vọng: Về hôn nhân, chị Thị B đồng ý ly hôn với anh Danh H; về con chung, do con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được với nhau nên anh Danh H khởi kiện xin ly hôn với chị Thị B được Tòa án thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền được quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (Bộ luật BLTTDS 2015).

Chị Thị B với tư cách là bị đơn trong vụ án, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, xét việc vắng mặt này không gây trở ngại khi xét xử vụ án, căn cứ vào Điều 228 BLTTDS vụ án vẫn được xét xử theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Anh Danh H và chị Thị B xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 1998, hôn nhân tự nguyện, không có tổ chức đám cưới cũng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Quá trình chung sống cho đến nay anh chị cũng không thực hiện việc đăng ký kết hôn là đã vi phạm quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Do quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên anh chị đều có nguyện vọng được ly hôn với nhau. Xét, hôn nhân của anh chị là hôn nhân không hợp pháp nên căn cứ Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân của anh chị là quan hệ vợ chồng.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống anh H và chị B có 01 con chung tên: Danh H Sơn – sinh ngày 01/01/1999. Anh chị đều thống nhất xác định Danh H Sơn đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Tài sản chung, nợ chung: Không có, không ai có yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Án phí ly hôn bằng 300.000đ anh H phải nộp do có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 131, Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Tuyên xử: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Danh H và chị Thị B là quan hệ vợ chồng.

2/ Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Danh H phải chịu án phí là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số **0001008**, ngày 15/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, anh Danh H đã nộp xong án phí hôn nhân sơ thẩm.

3/ Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 20/3/2019). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- UBND xã Định An;
- UBND xã Vĩnh Phước B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Kim Nhập

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Kim Nhập